

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HS-ST

Ngày : 21/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương N Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Thu Trà
- Bà Nguyễn Thị Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà DUƠNG THỊ N Lữ – Thư ký tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Cao Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 263/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1/DUƠNG THỊ N; sinh năm 1996 tại Bắc Giang; Nơi đăng ký thường trú: xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: đường số E, khu phố I, phường A, quận E1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn C, sinh năm 1969 và bà: Dương Thị M, sinh năm 1974; Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; Con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 22/3/2024 đến ngày 12/11/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh; Ngày 02/12/2024 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

2/NGUYỄN VĂN H ; sinh năm 1993 tại Bắc Giang; Nơi đăng ký thường trú: xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: đường số E, khu phố I, phường A, quận E1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1970; Vợ: Dương Thị N, sinh năm 1996; Con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không có; Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

3/ TRẦN VĂN H1; sinh năm 1979 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú: Đường G, thị trấn E , huyện S, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: đường P, Phường O, quận E2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc:

Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn L (chết) và bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; Vợ: Đinh Thị S1, sinh năm 1996; Con: 03 người (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 22/3/2024 đến ngày 12/11/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 40 ngày 28/01/2024, Công an Phường W, quận Tân Bình kiểm tra tại địa chỉ đường Y, Phường W, quận Tân Bình phát hiện Dương Thị N và chồng là Nguyễn Văn H có hành vi bán số đề, thu giữ trong túi quần của H 02 phôi đề ghi cho khách ngày 28/01/2024, trong bàn của N có 7 phôi đề ghi cho khách vào ngày 28/01/2024.

Tang vật tạm giữ:

- 02 tờ phôi ghi số đề của H; 07 tờ phôi ghi số đề của N; 01 điện thoại di động Iphone 14 promax của N; số tiền 1.818.000 đồng; 01 máy tính casio.

- 01 xe mô tô biển số 51L3 - 4107 của N sử dụng, qua xác minh xe do bà Ngô Thị T2, địa chỉ đường J, Phường F, Quận 8 đứng tên đăng ký sở hữu. Xác minh tại Công an Phường F, Quận E3, kết quả tại địa chỉ đường J, Phường F, Quận E3 không có bà Ngô Thị T2 đăng ký HKTT, tạm trú và không thực tế cư trú. Dương Thị N khai mua xe của một người tên Thao (không rõ lai lịch) trên mạng với giá 5.000.000 đồng, không có làm giấy tờ mua bán nhưng có giấy đăng ký xe.

Qua điều tra xác định, Dương Thị N bắt đầu ghi đề từ tháng 12/2023 cho đối tượng Nguyễn Văn T3 qua số điện thoại 0903929000. Hàng ngày, khoảng 14 giờ, N ngồi tại trước địa chỉ đường Y, Phường W, quận E4 để bán số đề cho khách vắng lai. Khi N ghi phôi đề cho khách, N đưa cho khách phôi màu hồng, còn N lưu phần giấy phôi màu trắng, sau khi ghi đề cho khách thì N nhắn tin qua ứng dụng Telegram cho tài khoản 154666 tên Nguyễn Văn T3 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu các số N đã bán được. Đến trưa ngày hôm sau thì N chuyển khoản cho T3 số tiền ngày hôm trước N đã bán số đề và được hưởng 2% H1 hồng số tiền N bán số đề cho khách.

Trong thời gian ghi đề, N cùng chồng là Nguyễn Văn H bàn bạc nhau là khi H có khách cần ghi số đề thì H sẽ ghi và thu tiền, sau đó về giao lại cho N. Nếu khách ghi đề trúng thưởng thì N đưa tiền cho H để trả cho khách, nếu khách không trúng thưởng thì H đưa tiền khách mua số đề lại cho N, N sẽ giao số tiền này lại cho Nguyễn Văn T3 để hưởng 2% hoa hồng trên số tiền trúng và tiền thu của khách mua đề, H đã ghi cho khách được khoảng 3 đến 4 lần và giao các phôi đề này lại cho N. Trong khoảng thời gian ghi đề từ tháng 12/2023 cho đến ngày bị bắt, N được T3 trả huê hồng khoảng 4.500.000 đồng.

Qua xác minh, kết quả xổ số ngày 28/01/2024 thắng thua với khách, cụ thể như sau:

1/ Phoi đề ghi 2 đài Tiền Giang và Kiên Giang đá vòng 2 đài 0,5 số 53, 63,73, 83. Số tiền thu của khách là 173.000 đồng, khách trúng 265.000 đồng.

2/ Phoi đề ghi 2 đài Tiền Giang và Kiên Giang, đầu đuôi con số 77 số tiền 10.000 đồng và xiu chủ số 511 số tiền 5.000 đồng. Số tiền thu của khách là 48.000 đồng, khách không trúng.

3/ Phoi đề ghi 2 đài Tiền Giang và Kiên Giang đầu số 22 và 23, mỗi con 100.000 đồng. Số tiền thu của khách là 320.000 đồng, khách không trúng.

4/ Phoi đề ghi đài Kiên Giang, ghi từ 00 đến 39 kéo 2.000 đồng đuôi và 00 đến 49 kéo 2.000 đồng đuôi. Số tiền thu của khách là 144.000 đồng, khách trúng 292.000 đồng.

5/ Phoi đề ghi 2 đài Tiền Giang và Kiên Giang đá vòng số 14, 94 số tiền 10.000 đồng; 14, 74 đá vòng số tiền 20.000 đồng; 74, 94 đá vòng số tiền 10.000 đồng. Số tiền thu của khách là 2.300.000 đồng. Khách trúng như sau: đá vòng số 14, 94 số tiền 10.000 đồng, trúng 5.300.000 đồng; đá vòng số 14, 74 số tiền 20.000 đồng, trúng 10.600.000 đồng, đá vòng 74, 94 số tiền 10.000 đồng, trúng 5.300.000 đồng.

Tổng cộng khách trúng 21.200.000 đồng, số tiền này khách đã đến lấy trực tiếp 1.200.000 đồng và N chuyển khoản thêm cho khách số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số 8386661996 tên Dương Thị N đến tài khoản số 1360162909 tên Tran Van H2 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), sau đó T3 đã chuyển khoản trả cho N 20.000.000 đồng từ tài khoản 154666 tên Nguyễn Văn T3 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

6/ Phoi đề ghi 2 đài Tiền Giang và Kiên Giang, đá vòng số 47, 87, 32, số tiền 2.000 đồng và ghi đài Tiền Giang đá 47, 87, 32 số tiền 1.000 đồng. Số tiền thu của khách là 432.000 đồng, khách không trúng thưởng.

7/ Phoi đề ghi đài Tiền Giang, đá 57, 75 số tiền 2.000 đồng; đá 59, 89 số tiền 2.000 đồng; bao lô 859, 889, 857, 875, 887 số tiền 1.000 đồng và xiu chủ 859, 889, 857, 875, 887 số tiền 10.000 đồng. Số tiền thu của khách là 264.000 đồng, khách không trúng thưởng.

Tổng số tiền bán số đề của N ngày 28/01/2024 là 3.681.000 đồng (gồm 1.381.000 đồng tiền mặt và 2.300.000 đồng tiền chuyển khoản ngân hàng). Tổng số tiền khách trúng thưởng là 21.200.000 đồng (đã trả cho khách) và 557.000 đồng (265.000 đồng + 292.000 đồng) chưa trả cho khách.

02 phoi đề của H để trong túi chưa kịp giao cho N:

1/ Phoi đề ghi 2 đài Tiền Giang và Kiên Giang 13, 62 đá 2, đài Đà Lạt 17, 01, 41 đá 2, 19, 90 đá 2; Đài Đà Lạt, Tiền Giang 04, 39 đá 2; Đài Đà Lạt 71 đánh đầu đuôi 10.000 đồng.

2/ Phoi đề ghi 2 đài Khánh Hòa và Kontum 48, 84, 89, 98 đá 2; 689-10 xiu chủ đầu đuôi; 689-5 xiu chủ đuôi.

Tổng số tiền H thu 02 phoi này của khách là 544.000 đồng, khách không trúng thưởng.

Qua điều tra, truy xét, Cơ quan điều tra đã bắt giữ được Trần Văn H1, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Trần Văn H1 khai nhận có mua số đề của N vào ngày 28/01/2024, như sau:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 28/01/2024, H2 đến gặp N ghi số đề tại số Đường Đ, Phường W, quận E4 và mua số đề của 2 đài Tiền Giang và Kiên Giang, cụ thể:

Ghi số 02 đài (Tiền Giang - Kiên Giang) đã cặp số (14-94) với số tiền 10.000 đồng = $(72 \times 10.000 \times 0,8) = 576.000$ đồng.

Ghi số 02 đài (Tiền Giang - Kiên Giang) đã cặp số (14-74) với số tiền 20.000 đồng - $(72 \times 20.000 \times 0,8) = 1.152.000$ đồng.

Ghi số 02 đài (Tiền Giang - Kiên Giang) đã cặp số (74-94) với số tiền 10.000 đồng = $(72 \times 10.000 \times 0,8) = 576.000$ đồng.

Tổng số tiền vốn dùng để đánh đề là 2.304.000 đồng, H1 sử dụng tài khoản số 1360162909 do H1 đứng tên chuyển khoản cho N số tiền 2.300.000 đồng để trả tiền mua các số trên. Tổng cộng H1 trúng thưởng số tiền 21.200.000 đồng, H1 đến điểm ghi đề của N để lấy tiền trúng thưởng, tiền mặt 1.200.000 đồng, N chuyển khoản cho H2 số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng Techcombank số: 8386661996 do Dương Thị N đứng tên đến tài khoản số: 1360162909 do Trần Văn H1 đứng tên, mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), H1 tiêu xài vào mục đích cá nhân hết. Lời khai của H1 phù hợp với lời khai của Dương Thị N và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với đối tượng tên Nguyễn Văn T3, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận Tân Bình tiến hành xác minh thông tin lai lịch (thôn U, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang) nhưng không có ở địa phương, chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận Tân Bình quyết định tách vụ án vụ án, ra quyết định truy tìm đối với T3, tiếp tục truy xét khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 255/CT-VKS.TB ngày 21 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố các bị cáo Dương Thị N, Nguyễn Văn H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và truy tố bị cáo Trần Văn H1 về tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Dương Thị N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn H1 bằng với thời gian đã tạm giam.

- Miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.
- Về vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Buộc bị cáo Trần Văn H1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.
- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, sau phân luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận, không bào chữa, các bị cáo hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có cơ hội sửa đổi bản thân, chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Dương Thị N, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Dương Thị N có hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức bán số đề vào ngày 28/01/2024 với tổng số tiền là 3.681.000 đồng. Tổng số tiền khách trúng thưởng là 21.200.000 đồng (đã trả cho khách) và 557.000 đồng (265.000 đồng + 292.000 đồng) chưa trả cho khách. Bị cáo Nguyễn Văn H là đồng phạm giúp sức cho bị cáo N, ngày 28/01/2024 ghi 02 phôi đề tổng cộng 544.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo Trần Văn H1 mua lô số đề của Dương Thị N với số tiền 2.304.000 đồng và đã trúng thưởng được 21.200.000 đồng đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, làm ảnh hưởng trật tự trị an ở địa phương, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, tư lợi, muốn có tiền phục vụ nhu cầu bản thân các bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần xem xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: nhân thân các bị cáo N, H chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo N đã tự

nguyên nộp lại khoản thu lợi bất chính để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đề giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét thấy bị cáo H có công việc làm, đang nuôi 02 con nhỏ, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo N và bị cáo H1 đã có thời gian tạm giam (từ ngày 22/3/2024 – 12/11/2024) cũng đủ tác dụng răn đe các bị cáo, xét thấy không cần thiết tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội lao động, sửa đổi bản thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá, nhận định tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo N, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo H, xử phạt tù đối với bị cáo H1 bằng thời gian đã tạm giam, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ kết quả điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu được có trong hồ sơ vụ án và lời khai các bị cáo Dương Thị N, Trần Văn H1 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thể hiện bị cáo Trần Văn H1 ghi đề và thắng số tiền 21.200.000 đồng, xét thấy đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

Ngày 28/01/2024, tổng số tiền bị cáo N ghi đề cho khách là 3.681.000 đồng (gồm 1.381.000 đồng tiền mặt và 2.300.000 đồng tiền chuyển khoản), cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 1.818.000 đồng, còn lại số tiền 1.863.000 đồng buộc bị cáo N nộp lại sung ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo H nộp lại số tiền ghi đề cho khách ngày 28/01/2024 là 544.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[5] Về tang vật vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 promax; số tiền 1.818.000 đồng; 01 máy tính casio, là tiền và tài sản bị cáo N dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Số tiền 4.500.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo N đã nộp, tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô biển số 51L3 – 4107 bị cáo N sử dụng làm phương tiện đi ghi số đề, quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên cần giao cho cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau 01 năm nếu không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Thị N.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn H1.

Căn cứ Điều 106, Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố các bị cáo Dương Thị N, Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo: DUƠNG THỊ N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Dương Thị N cho Ủy ban nhân dân phường A, quận E2, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo: NGUYỄN VĂN H 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo: TRẦN VĂN H1 07 (Bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày tù về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2024 đến ngày 12/11/2024, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

[3] Buộc bị cáo Trần Văn H nộp lại số tiền thu lợi bất chính 21.200.000 (Hai mươi một triệu hai trăm ngàn) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Dương Thị N nộp lại số tiền 1.863.000 (Một triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền 544.000 (Năm trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003096 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành

án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 promax; số tiền 1.818.000 (Một triệu tám trăm mười tám ngàn) đồng; 01 máy tính casio.

Giao 01 xe mô tô biển số 51L3-4107 cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau 01 năm nếu không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 49/BB/2025 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

(Đã giải thích chế định án treo)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương N Tâm